

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	2
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	14
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	16
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	36
BÁO CÁO KIÊM TOÁN	38
THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
THÀNH VIÊN BAN KIÊM SOÁT	41
THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC	42
CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CÔ ĐÔNG	43

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Xin chào Quý cổ đông!

Tình hình kinh tế Thế giới những năm gần đây biến động nhanh chóng và mạnh mẽ, từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2009, ảnh hưởng đến sự suy thoái nền kinh tế Thế giới, trên Quốc tế, Liên hiệp các nước cứu vãn kinh tế, giúp nền kinh tế tăng trưởng ổn định, bình ổn xã hội và đời sống người dân. Đến sáu tháng cuối năm 2010, giá cả các loại nguyên vật liệu, giá dầu khí và kim loại khôi phục ổn định dần và tiếp tục điều chỉnh tăng, xu hướng lạm phát đã trở nên ngày một rõ ràng, tình hình này lại một lần nữa đem đến sự thử thách nghiêm khắc cho doanh nghiệp các nước.

Sự thay đổi của tình hình kinh tế thế giới, đối với một nước đang trong đà phát triển xây dựng như Việt Nam, mặc dù chịu sự ảnh hưởng rất nhỏ, tuy nhiên, người dân Việt nam với tinh thần luôn phấn đấu vươn lên cùng với sự hỗ trợ của chính phủ dành cho doanh nghiệp, đã giúp giảm đáng kể những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

Được sự ủng hộ nhiệt tình của các vị cổ đông cùng với sự phối hợp đoàn kết của toàn thể công nhân viên, trong năm 2010 công ty duy trì tăng trưởng ổn định. Đối với năm 2011, mục tiêu chính của công ty vẫn chính là tiếp tục không ngừng sáng tạo cho ra sản phẩm mới, nhanh chóng đưa ra thị trường, cung ứng cho cộng đồng xã hội, làm đẹp môi trường sống. Ban lãnh đạo Công ty luôn đề cao tinh thần phấn đấu cạnh tranh, giữ vững chữ tín trong kinh doanh, tạo ra hiệu quả kinh doanh tốt hơn so với năm qua, mang nhiều lợi nhuận đến cho cổ đông, và cung ứng dịch vụ tốt nhất cho cộng đồng xã hội.

Cuối cùng, xin chúc sức khỏe toàn thể Quý vị, cùng gia đình luôn hạnh phúc và thành đạt.

Xin trân trọng kính chào!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
CHEN, SIN - SIAN

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera là 01 (một) trong 06 (sáu) Công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận cho chuyển đổi thành Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và sản phẩm sứ; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
- Tên giao dịch đối ngoại: TAICERA ENTERPRISE COMPANY
- Tên viết tắt: TAICERA
- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
 - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
 - Điện thoại: (84.613) 841 594 - 841 597 Fax: (84.613) 841 598 - 841 592
 - Email:tcr@hcm.vnn.vn Website:<http://www.taicera.com>
- Nhãn hiệu thương mại:



- Vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ Công ty: 384,882,430,000 (Ba trăm tám mươi bốn tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera được thành lập năm 1994 do 20 cổ đông người Đài Loan thành lập theo Giấy phép 764/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/1/1994. Tổng vốn đầu tư ban đầu là USD19,500,000; trong đó vốn pháp định là USD 8,500,000. Thời gian hoạt động đăng ký là 30 năm. Chức năng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

hoạt động là sản xuất gạch thạch anh, gạch men và các sản phẩm sứ. Trụ sở nhà máy đặt tại Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Nhận thấy những thay đổi tích cực trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam, Công ty đã liên tục mở thêm chi nhánh ở các thành phố, địa bàn trọng điểm; tăng thời hạn hoạt động lên 50 năm và điều chỉnh tăng vốn đầu tư để mở rộng thêm dây chuyền sản xuất và bổ sung chức năng hoạt động. Đến nay, Taicera đã có 06 chi nhánh tại TP HCM, TP Hà Nội, TP Đà Nẵng, TP Cần Thơ, TP Nha Trang và TP Hải Phòng nhằm hỗ trợ việc phân phối sản phẩm tới các địa bàn lân cận. Cụ thể như sau:

- Miền Nam: chi nhánh TP Hồ Chí Minh phân phối sản phẩm cho TP Hồ Chí Minh, Thủ Đức, Biên Hòa, Đồng Nai v.v...
- Miền Tây Nam Bộ: chi nhánh tại Cần Thơ cung cấp sản phẩm cho Cần Thơ và các tỉnh Long An, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu v.v...
- Miền Bắc: chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng phân phối cho Hà Nội và các tỉnh lân cận Hà Giang, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hải Dương, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Hà, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Thái Bình v.v...

Miền Trung: Công ty thành lập 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và Nha Trang để phân phối sản phẩm cho Đà Nẵng, Nha Trang và các tỉnh Quy Nhơn, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Bảo Lộc, Buôn Ma Thuột, Phan Rang, Phan Thiết v.v...

Bên cạnh thị trường nội địa, sản phẩm gạch của Taicera đã bắt đầu thâm nhập thị trường nước ngoài từ năm 1998 với 2 thị trường Campuchia, Miền Điện; năm 1999 thêm thị trường Malaysia, Singapore; năm 2000 thêm Philippines; năm 2001 phát triển thêm thị trường Hàn Quốc và Đài Loan; năm 2002 sản phẩm đã đến Úc và Nhật Bản. Năm 2006, 2007 và 2008, 2009 tỷ trọng sản lượng xuất khẩu của Công ty chiếm lần lượt là 61%; 74%; 56% và 52% tổng sản lượng tiêu thụ.

Vốn đầu tư của Công ty liên tục tăng, từ 19,500,000 USD năm 1994 tăng lên 39,500,000 USD vào năm 1997; 49,500,000 USD năm 2000 và 66,166,667 USD năm 2005. Vốn pháp định tương ứng qua các năm là 8,500,000 USD; 11,850,000 USD; 14,850,000 USD và 19,850,000 USD.

Trải qua hơn 10 năm phát triển, Taicera đã xây dựng thành công một mô hình doanh nghiệp bằng sự kết hợp hài hòa giữa kỹ năng, trình độ quản lý của Đài Loan với văn hóa, con người và môi trường Việt Nam. Điểm căn bản tạo nên nền tảng chuyên nghiệp của mô hình này

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

chính là ở sự đầu tư cơ bản về hệ thống quản lý và những chính sách nhân sự, tài chính linh hoạt và hiệu quả.

Ngày 15/4/2003, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 38 cho phép các công ty có vốn đầu tư nước ngoài được chuyển sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Taicera nhận thấy đây là một cơ hội tốt để tạo kênh huy động vốn mới, đa dạng hóa hình thức đầu tư, tạo cho các tổ chức và cá nhân có cơ hội mua lại cổ phần của Công ty. Việc chuyển đổi cũng làm thay đổi số lượng chủ sở hữu doanh nghiệp, tạo điều kiện cho Công ty cải tạo cơ cấu tài chính, tăng tỷ lệ huy động vốn từ các cổ đông, tự do hơn trong việc huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất, giúp thay đổi tỷ lệ giữa vốn pháp định và vốn vay, tránh những điều ràng buộc khi phải vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng.

Công ty đã nộp Hồ sơ xin chuyển đổi lên Bộ kế hoạch và Đầu tư và chính thức được chấp thuận chuyển thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài vào ngày 09/08/2005 theo Giấy phép số 764-CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với giá trị vốn điều lệ là 250.05 tỷ đồng với 29 cổ đông góp vốn.

Ngày 08/11/2006, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 65/UBCK-ĐKPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 5,000,000 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 250.05 lên 300.05 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn hoàn tất vào ngày 19/12/2006 với tổng số phát hành là 4,969,000 cổ phần.

Ngày 06/06/2007, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 753/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 3,596,831 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 299.7 tỷ lên 335.7 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 23/07/2007 với tổng số phát hành là 3,596,831 cổ phần.

Ngày 09/07/2008, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 1362/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 2,014,220 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 335.7 tỷ lên 355.8 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 04/9/2008 với tổng số phát hành là 2,014,220 cổ phần.

Ngày 25/5/2009, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,423,352 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2008, tăng vốn điều lệ từ 355.8 tỷ lên 370 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 28/9/2009 với tổng số phát hành là 1,423,352 cổ phần.

Ngày 25/5/2010, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,480,246 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 370

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

tỷ lên 384.88 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 1/08/2010 với tổng số phát hành là 1,480,246 cổ phần.

2. Quá trình phát triển

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

2.2 Tình hình hoạt động

2.2.1 Sản lượng sản phẩm

Hiện nay, Công ty đang cung cấp hai dòng sản phẩm chính là gạch men và gạch thạch anh.

- Gạch men, bao gồm: gạch ốp tường, gạch lát nền với các quy cách 20*20; 20*25; 20*30; 25*25; 25*33; 25*40; 30*30; 30*45; 40*40; 50*50; 60*60; 80*80; 100*100 gạch viên và điểm, gạch tranh, gạch cắt thủy lực (Đơn vị tính: cm).

Gạch thạch anh (gạch granite) là loại gạch lát nền với các quy cách 20*20; 20*27; 30 thạch anh; 30 bóng kiếng; 40 thạch anh; 40 bóng kiếng; 50 bóng kiếng; 60 bóng kiếng; 80 bóng kiếng; 100 bóng kiếng; gạch cắt nước, gạch cầu thang và chân tường (Đơn vị tính: cm).

2.2.2 Nguyên vật liệu

a. Các nguyên vật liệu chính

- Thô liệu: Chủ yếu là trường thạch, cát, thô 3 loại.
- Men liệu: Chủ yếu là men lót, men mặt, men in 3 loại.
- Phụ gia: Chất giải keo, chất tăng độ cứng, chất cố định.

b. Nguồn nguyên vật liệu

- Thô liệu: chủ yếu tại Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc
- Men liệu: chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam
- Phụ gia: Chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan

c. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Chính phủ nâng cao thuế nhập khẩu nguyên liệu, do đó công ty tăng cường khai thác sử dụng nguyên liệu trong nước. Tuy nhiên, cho đến nay chính sách của Trung Quốc và Việt Nam

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

vẫn chưa có sự thay đổi lớn, nên sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên liệu không bị ảnh hưởng đáng kể.

d. Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguồn nguyên liệu

Công ty không ngừng tìm các nhà cung ứng với giá cả không cao từ Trung Quốc và Việt Nam, và tích cực cải tiến công thức phối liệu gạch thay thế bằng những nguyên liệu giá cả rẻ, nhằm mục đích hạn chế tăng giá thành sản xuất

2.2.3 Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

2.2.4 Trình độ công nghệ

▪ Trình độ công nghệ

Các dây chuyền sản xuất của Taicera được đầu tư với công nghệ của Italia hiện đại nhất tại Việt Nam.

Công ty đã thiết lập xưởng sản xuất tại Khu công nghiệp Gò Dầu rất thuận lợi về khuyênh khích đầu tư và chiến lược quản lý chi phí lâu dài. Hiện Công ty có 3 xưởng sản xuất và 1 xưởng gia công tăng giá trị:

- Xưởng 1 gồm 2 dây chuyền sản xuất gạch men được đầu tư năm 1995 với chức năng sản xuất gạch men.
- Xưởng 2 gồm 2 dây chuyền sản xuất, được đầu tư năm 1999 và 2001 với chức năng sản xuất cả gạch men và thạch anh.
- Xưởng 3 gồm 2 dây chuyền sản xuất gạch thạch anh mài bóng trên diện tích đất đã thuê 6,8 ha với Công ty Sonadezi Biên Hòa ngày 01/09/2004.
- Xưởng gia công gồm 5 dây chuyền mài với chức năng gia công sản phẩm.

▪ Công suất hoạt động hiện nay của nhà máy

Công suất hoạt động của nhà máy hiện nay trung bình là 30.000 m²/ngày tùy thuộc vào loại gạch được sản xuất.

▪ Kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất

Công ty đã tìm hiểu qui hoạch tổng thể của Chính phủ Việt Nam về xây dựng và giao thông, chẳng hạn như dự án xây dựng 3 đường vành đai ở Sài Gòn. Nhìn từ xu thế của Việt Nam hiện nay, sản phẩm cao cấp sẽ là trào lưu chủ yếu trong tương lai ở thị trường này.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2.2.5 *Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là lâu dài nhằm thỏa mãn thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, tích cực nghiên cứu những ưu việt của sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng sự lựa chọn phong phú. Việc nghiên cứu phát triển tại Công ty luôn được quan tâm thực hiện.

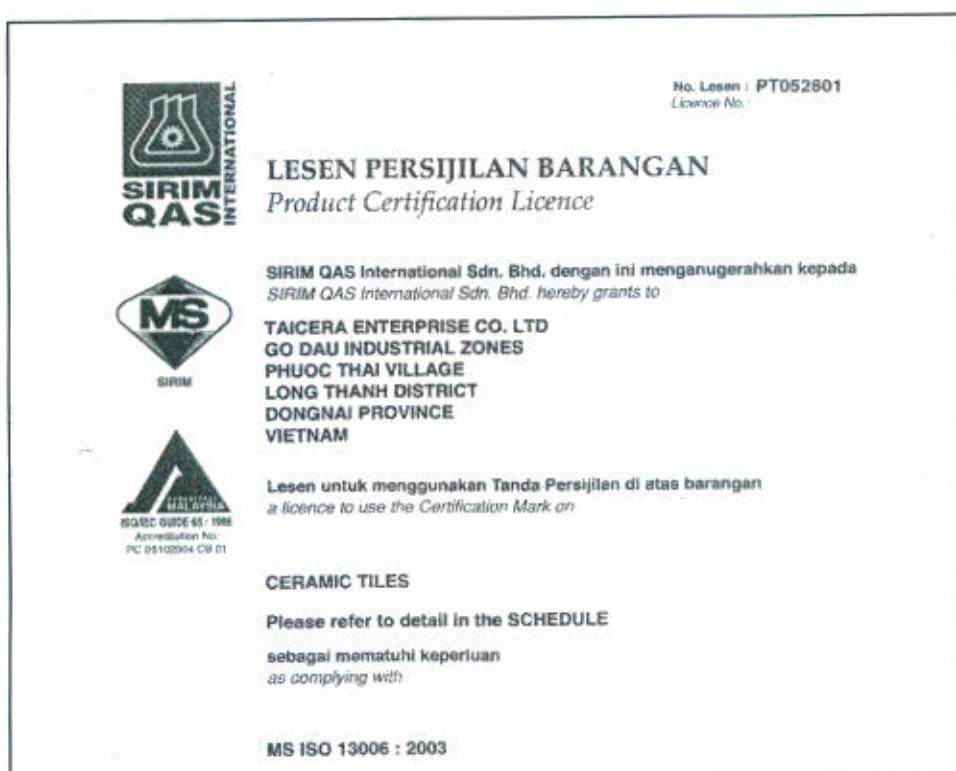
Biện pháp nâng cao chất lượng:

- Tự kiểm tra, không chế chất lượng trong quá trình sản xuất.
- Thực hiện theo hệ thống chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh để sản phẩm đạt đến tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

2.2.6 *Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm*

Các chứng chỉ và hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm :

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 06/07/2000 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2003, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 11/03/2005 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2.2.7 *Hoạt động Marketing*

Sản phẩm

Chiến lược sản phẩm của công ty trong tương lai sẽ được chú trọng như sau:

a. *Sản phẩm chính:*

- Các sản phẩm mài bóng: 100x100, 80x80, 60x60, 40x40 (bao gồm gạch nhiều ống, hạt mịn, in thẩm v.v...).
- Sản phẩm gạch thạch anh: 40x40, 30x30 (bao gồm gạch men thường, hạt mè v.v...).
- Các sản phẩm gạch giả cổ: 60x30, 30x30, 40x40.
- Các sản phẩm phát minh mới: 80x80, 60x60, 40x40.

b. *Sản phẩm phối hợp:*

- Các sản phẩm gạch men ốp tường: 20x30, 20x25, 25x33, 30x45.
- Các sản phẩm gạch men lát nền: 20x20, 25x25, 30x30, 40x40.
- Sản phẩm gạch viền gia công: gia công gạch viền, gạch chân tường, gạch cầu thang, gạch cắt thùy lực.

Phân phối

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Cụ thể, Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Như vậy, sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

- Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia v.v...
 - Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

2.2.8 *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền*

a. *Nhãn hiệu Taicera*

- Giấy Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 16917 ngày 31/05/1995 và quyết định gia hạn số A 7158/QĐ- ĐK ngày 04 /10/2004 do Cục Sở hữu Công nghiệp – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp.

- Thời hạn bảo hộ: từ ngày 28/10/1994 đến ngày 28/10/2014

b. *Nội dung bảo hộ:*

- Mẫu nhãn hiệu thương hiệu:



Hình 8: Nhãn hiệu Taicera

- Màu sắc nhãn hiệu: đỏ, trắng
- Ý nghĩa:

Biểu tượng	Định nghĩa thực thể	Định nghĩa logic
	Thể hiện hình gạch men	Bên trong hình vuông, thể hiện tính nguyên tắc
	Thể hiện hình địa cầu	Bên ngoài tròn, thể hiện sự thông thoáng, toàn vẹn
	Thể hiện mặt địa cầu	Vững vàng, không thay đổi, làm vừa lòng khách hàng
TAICERA	Tên Công ty	Tên viết tắt: TCR - T: Trust (Uy tín) - C: Classic (Chất lượng) - R: Revolutions (Sáng tạo)

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG KẾT CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

1. Bối cảnh kinh tế và tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2010

Sản lượng tiêu thụ của Công ty trong năm 2010 đạt trên 10.5 triệu m², doanh thu bán hàng là 1,191.7 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 62.4 tỷ đồng, doanh thu năm 2010 tăng 29.2% so với năm 2009, lợi nhuận sau thuế tăng 14 lần so với năm 2009, từ các số liệu này, cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2010 tốt hơn nhiều so với năm 2009, đồng thời, các doanh nghiệp có thể cảm nhận mạnh mẽ được sự hồi phục dần của nền Kinh tế thế giới trong năm 2010, kinh tế Việt Nam cũng đang trong quá trình tiếp bước của nền kinh tế Thế giới.

Nhìn lại trong năm 2010, một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng tôi chính là thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược với Công ty Keraben-Nhà sản xuất lớn thứ ba tại Tây Ban Nha, thành lập một Công ty liên doanh “Taicera Keraben Co.” tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư hai bên là 1,000,000 USD, chia sẻ kinh nghiệm về quản lý, sản xuất, cũng như tiêu thụ. Mục tiêu là Công ty Keraben-Tây Ban Nha sẽ cung ứng thiết kế sản phẩm và công nghệ sản xuất, Taicera sẽ phụ trách giới thiệu đưa sản phẩm tiêu thụ đến thị trường trong nước Việt Nam và xuất khẩu ra các nước Châu Á lân cận thông qua đường lối tiêu thụ sẵn có của công ty. Ngoài ra, công ty cũng tích cực xây dựng một kênh tiêu thụ khác với dòng sản phẩm chủ đạo cao cấp TKG, để nâng cao giá trị tăng thêm của sản phẩm, làm cho doanh thu và lợi nhuận của công ty không ngừng được tăng lên.

Việc không ngừng tìm kiếm nguyên vật liệu sản phẩm có thể thay thế và cải thiện quy trình sản xuất đạt mức tối ưu hóa, nhằm giảm thiểu chi phí giá thành sản xuất là mục tiêu hàng năm cần phải nỗ lực đạt được đối với riêng công ty, nhìn vào kết quả trong báo cáo tài chính đã công bố ra công chúng trong năm 2010, có thể thấy được công ty đã cố gắng hết sức mình để hoàn thành nhiệm vụ này. Ngoài ra, việc tăng cường kiểm soát quản lý nội bộ công ty và cải thiện cơ cấu tài chính, cũng giúp giảm thiểu các chi phí quản lý công ty.

Hội đồng quản trị công ty luôn giữ vững thái độ tích cực, triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2010 đã hoàn thành các công việc sau: chuyển 1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

phần lợi nhuận sau thuế của năm 2009 thành vốn đầu tư với số vốn tăng thêm là 14,802,461,200 đồng, thông qua phương thức phát hành thêm cổ phiếu mới để chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phần phát hành thêm là 1,480,246 cp; trong số đó đã thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung 337,934 cổ phiếu, tính đến thời điểm cuối năm 2010, tổng vốn Điều lệ Công ty là 384,882,430,000 đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2009-2010:

Đơn vị tính: m²

Năm	2009		2010	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
Gạch men	372,592	46,471	763,418	14,970
Tỷ trọng (%)	4%	1%	7%	0.14%
Gạch thạch anh	3,909,829	4,478,215	4,204,602	5,538,665
Tỷ trọng (%)	44%	51%	40%	52.64%
Tổng cộng	4,292,421	4,524,686	4,968,020	5,553,635
Tỷ trọng (%)	48%	52%	47%	53%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2009-2010

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu bán hàng	932,264,169,192	1,209,670,391,662
Các khoản giảm trừ	10,526,566,009	17,941,342,159
Doanh thu thuần về bán hàng	921,737,603,183	1,191,729,049,503
Giá vốn hàng bán	757,911,884,413	901,569,998,698
Lợi nhuận gộp về bán hàng	163,825,718,770	290,159,050,805
Lợi nhuận thuần trước thuế	5,379,664,760	73,979,279,222
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1,229,338,634	11,550,784,066
Lợi nhuận sau thuế	4,150,326,126	62,428,495,156
Lợi nhuận thuần sau thuế/ doanh thu thuần	0.45%	5.24%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

3. Kết luận:

Hội đồng quản trị xin trình bày tóm tắt tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty, nhìn chung hiệu suất kinh doanh trong năm 2010 biểu hiện ưu việt hơn so với dự kiến, nhân đây cũng rất cảm ơn sự nỗ lực cố gắng và phối hợp của toàn thể công nhân viên Công ty, hy vọng tràn đầy đối với môi trường kinh tế của năm 2011 và lợi nhuận đạt được trong năm 2011 của công ty, sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng để hoàn thành mục tiêu dự kiến và tích cực đạt được sự kỳ vọng mong đợi của cổ đông với Công ty.

TM.Hội đồng quản trị

Chủ tịch



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH DỰ KIẾN ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2011 có chiều hướng ổn định hơn so với năm 2010, tuy nhiên trong sự ổn định, giá dầu, giá cả nguyên vật liệu trên toàn cầu cũng đang điều chỉnh tăng dần, ở Việt Nam vật giá trong nước cũng có chiều hướng tăng theo, từ đó kéo theo, các chi phí đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, bao gồm chi phí điện, nước, gas, tiền lương công nhân viên, vật liệu bao bì, phí vận chuyển hàng hóa, v.v... cũng đang điều chỉnh tăng, hơn nữa cùng với tỷ giá hối đoái cũng thay đổi từ 19,100VND/USD tới 20,693VND/USD làm cho đồng tiền sụt giảm, những thay đổi đáng kể của môi trường bên ngoài, khiến cho công ty chỉ có thể quan tâm cẩn trọng hơn, và luôn tiếp tục thay đổi để phù hợp với sự biến động ngày càng lớn của môi trường bên ngoài, công ty đã xây dựng những sách lược dưới đây:

Về phương diện kinh doanh bán hàng:

Tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu vẫn duy trì mức mỗi bên chiếm 50%, được điều chỉnh phù hợp căn cứ theo tình hình nhu cầu thị trường, nhìn chung, chiến lược bán hàng này giống như năm 2010 không thay đổi, nhưng nay công ty đặc biệt phân ranh gồm Đồng Nai và Vũng Tàu thành một khu vực riêng để tăng cường nâng cao dịch vụ cho khách hàng, ngoài ra, còn nâng cao tỷ lệ các đơn đặt hàng cho các dự án công trình.

Trong năm 2011 do chịu ảnh hưởng của môi trường kinh tế bên ngoài, làm cho các chi tiêu chi phí giá thành có tăng lên, nên cần phải điều chỉnh giá bán sản phẩm để cho phù hợp sự gia tăng của chi phí giá thành.

Tăng cường kênh tiếp thị bán hàng của công ty liên doanh “Taicera-Keraben Company” là công ty góp vốn thành lập cùng với nhà sản xuất lớn thứ ba Tây Ban Nha-Công ty Keraben đồng thời công ty thiết lập riêng một kênh tiêu thụ khác với dòng sản phẩm chủ đạo cao cấp TKG, không ngừng khai thác phát triển dòng sản phẩm mới, tiếp tục thực thi cải thiện cơ cấu dòng sản phẩm ban đầu của Taicera, để nâng cao giá trị tăng thêm của sản phẩm.

Về phương diện sản xuất:

Doanh thu bán hàng dự kiến của công ty trong năm 2011 là 1,300 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 81,6 tỷ, tổng sản lượng dự tính là 11,610,000 m², với thiết bị của công ty hiện nay, số lượng mục tiêu sản xuất dự kiến sẽ gấp phải khó khăn, vì vậy ngoài số lượng sản xuất của riêng công ty, cách duy nhất chỉ có thể tìm kiếm đối tác chiến lược cùng nhau hợp tác sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, để đạt đến mục tiêu dự kiến của công ty.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tính cạnh tranh ngành gạch men rất cao, sự tiến bộ cũng rất nhanh, để tạo điều kiện cho công tác sản xuất tại nhà máy được thuận lợi hơn, sản xuất ra các dòng sản phẩm mới có giá trị tăng thêm cao, công ty cần phải tăng thêm máy móc thiết bị mới, năm nay ngoài việc tăng thêm máy sấy phun khô ở xưởng II và tăng thêm một dây chuyền tráng men ở xưởng I, trong thời gian tới cũng sẽ tiến hành xây thêm xưởng thô liệu và công trình kho chứa thành phẩm ở khu công nghiệp Mỹ Xuân, tất cả những điều này đều vì mục đích tăng thêm tính cạnh tranh cho công ty, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, làm cho sản xuất ngày càng linh hoạt và chuyên môn hóa hơn.

Quản lý nội bộ, tài chính và đầu tư:

Việc tiếp tục duy trì tăng cường công tác quản lý điều hành nội bộ, giảm bớt chi phí quản lý là mục tiêu mà công ty hàng năm đều nỗ lực. Về dự án đầu tư, thành lập công ty liên doanh tại Việt Nam góp vốn với công ty Keraben-Tây Ban Nha, do đầu năm nay mới nhận được giấy phép đầu tư, nên sẽ tăng cường thúc đẩy triển khai mục tiêu đã đặt ra của công ty liên doanh-đẩy mạnh quảng bá dòng sản phẩm với bao bì Keraben, ngoài ra cùng góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển Taicera với công ty vốn đầu tư nước ngoài Smart Link, đầu tư ở khu công nghiệp Cát Lái quận 2, diện tích khoảng 2 hecta, tuy rằng đã nhận được giấy phép đầu tư do Ban Quản lý khu công nghiệp Tp. Hồ chí minh cấp tháng 01/2010, nhưng do một số thủ tục có liên quan, vẫn chưa nhận được giấy phép xây dựng, chưa thể tiến hành thi công, xây dựng, dự kiến trong năm nay sẽ hoàn tất các thủ tục có liên quan, bắt đầu khởi công, sẽ tạo cơ sở lợi nhuận cao trên con đường mở rộng phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.

Để đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư của Công ty trong năm 2011, đồng thời cải thiện cơ cấu tài chính Công ty, giảm bớt chi phí lãi vay, dự kiến thực hiện tăng thêm vốn Điều lệ Công ty, bằng cách chuyển lợi nhuận với số tiền **23,091,176,400** đồng thành vốn tăng thêm, thông qua phương thức phát hành thêm **2,309,117** cổ phiếu, dùng làm chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu cho cổ đông.

Kết luận:

Môi trường kinh tế Việt Nam trong năm 2011 dự kiến sẽ có một số khó khăn, bằng những chiến lược bán hàng kinh doanh đã trình bày trên đây, cộng với mối quan hệ hợp tác với công ty Keraben-Tây Ban Nha, công ty sẽ nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, đồng thời, đối với phần sản lượng không đủ cung ứng sẽ phối hợp với nhà sản xuất chiến lược để sản xuất, Công ty tin rằng, trong năm nay sẽ đạt được mục tiêu kinh doanh theo kế hoạch dự kiến đã đặt ra.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGÂN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		628,780,770,066	642,605,749,711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		115,156,462,393	50,478,113,150
1. Tiền	111	03	115,156,462,393	50,478,113,150
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38,679,600,000	64,064,782,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		38,678,600,000	64,064,782,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		160,476,147,171	189,011,901,357
1. Phải thu của khách hàng	131		153,278,724,389	165,182,619,764
2. Trả trước cho người bán	132		3,979,985,604	20,069,652,885
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	04	5,079,990,028	5,611,668,217
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1,862,552,850)	(1,852,039,509)
IV. Hàng tồn kho	140		264,585,606,568	258,718,031,620
1. Hàng tồn kho	141	05	265,061,173,602	259,193,598,654
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(475,567,034)	(475,567,034)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49,882,953,934	80,332,921,584
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13,229,856,078	18,637,883,856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27,738,864,137	48,723,711,386
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	06	2,940,680,594	2,891,464,660
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,973,553,125	10,079,861,682
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		481,967,123,892	527,386,980,084
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-
II. Tài sản cố định	220	460,321,736,705	517,583,705,496
1. Tài sản cố định hữu hình	221 07	453,770,862,504	487,577,984,143
- Nguyên giá	222	1,020,824,820,544	993,287,058,014
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223	(567,053,958,040)	(505,709,073,871)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-
- Nguyên giá	225		-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-
- Nguyên giá	228		-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 08	6,550,874,201	30,005,721,353
III. Bất động sản đầu tư	240		-
- Nguyên giá	241		-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	242		-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10,210,692,800	1,104,958,400
1. Đầu tư vào công ty con	251		-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10,210,692,800	1,104,958,400
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-
4. Dự phòng giám giá đầu tư dài hạn (*)	259		-
V. Tài sản dài hạn khác	260	11,434,694,387	8,698,316,188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261 09	10,720,986,681	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-
3. Tài sản dài hạn khác	268	713,707,706	8,698,316,188
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1,110,747,893,958	1,169,992,729,795
NGUỒN VỐN			
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300	474,309,819,604	578,104,534,101
I. Nợ ngắn hạn	310	439,888,800,144	468,316,542,706
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 10	264,726,306,888	301,771,364,103
2. Phải trả cho người bán	312	131,414,111,252	137,528,806,048
3. Người mua trả tiền trước	313	7,093,167,779	4,446,667,780

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	197,195,643	47,886,234
5. Phải trả người lao động	315		19,425,533,113	9,394,107,807
6. Chi phí phải trả	316	12	15,666,009,632	14,105,022,551
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn khác	319	13	1,366,475,837	1,022,688,183
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		34,421,019,460	109,787,991,395
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		2,875,999,899	94,399,900
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	31,508,274,561	109,607,155,365
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		36,745,000	86,436,130
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		636,438,074,354	591,888,195,694
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	636,438,074,354	591,888,195,694
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		384,882,430,000	370,079,970,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		86,520,960,000	86,520,960,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(29,507,800)	(18,456,600)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2,433,691,247	374,854,895
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		34,392,930,476	33,562,865,300
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,557,298,729	8,390,716,300
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		124,680,271,702	92,977,285,799
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1,110,747,893,958	1,169,992,729,795

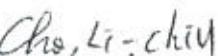
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại			
USD		4,713,165.07	1,503,252.43
EUR		14,580.77	65,125.97
JPY		4,112,847.00	
6. Dự toán chi hoạt động			

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2011


Trần Định Tâm


Cho Li Chiu



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	
			Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	1,209,670,391,662	932,264,169,192
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	17	17,941,342,159	10,526,566,009
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18	1,191,729,049,503	921,737,603,183
4. Giá vốn hàng bán	11	19	901,659,998,698	757,911,884,413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		290,159,050,805	163,825,718,770
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	15,104,245,154	13,776,736,264
7. Chi phí tài chính	22	21	42,431,062,412	44,730,602,356
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		18,108,795,928	25,177,383,931
8. Chi phí bán hàng	24		135,544,782,254	28,364,256,512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		53,853,573,314	99,831,515,114
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		73,433,877,979	4,676,081,052
11. Thu nhập khác	31		1,496,084,586	1,592,736,538
12. Chi phí khác	32		950,683,343	889,152,830
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		545,401,243	703,583,708
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73,979,279,222	5,379,664,760
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	11,550,784,066	1,229,338,634
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		62,428,495,156	4,150,326,126
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	23	1,622	112

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Trần Định Tâm

Cho Li Chiu



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>		73,979,279,222	5,379,664,760
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
1. Kháu hao tài sản cố định	02	61,344,884,169	74,529,671,446
2. Các khoản dự phòng	03	10,513,341	854,565,629
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(158,315,153)
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		
5. Chi phí lãi vay	06	18,108,795,928	25,177,383,931
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	153,443,472,660	105,782,970,613
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	53,616,396,651	(53,036,195,064)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5,867,574,948)	27,479,577,977
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3,377,380,249	23,978,300,956
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2,778,680,455	(5,188,529,567)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(17,681,134,815)	(24,493,126,612)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11,600,000,000)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,781,599,999	422,877,530
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2,810,014,084)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	178,038,806,167	74,945,875,833
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4,082,915,378)	(22,099,195,245)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(946,856,071)	(520,682,472)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(64,064,782,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25,385,182,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8,965,898,400)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,106,380,100
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,762,738,897	2,825,611,965

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	14,152,251,048	(82,752,667,652)
--	----	----------------	------------------

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(10,218,800)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	438,260,965,029	688,020,130,454
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(551,281,800,624)	(687,101,177,312)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14,802,461,200)	(27,996,034,200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(127,823,296,795)	(27,087,299,858)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(64,367,760,420)	(34,894,091,677)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	50,478,113,150	85,372,204,827
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	310,588,823	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	115,156,462,393	50,478,113,150

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Trần Đình Tâm

Cho Li Chiu



Chen Cho Li Chiu

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Uỷ ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Ngày 20 tháng 08 năm 2010, Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh chứng nhận điều chỉnh lần thứ bảy, theo đó: vốn điều lệ của Công ty là 384.882.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 38.488.243, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập là 12.960.824 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, trong đó:

- UNION TIME ENTERPRISE LIMITED nắm giữ 11.237.711 cổ phần.
- Ông CHEN, WEN-CHIA nắm giữ 128.430 cổ phần.
- Bà LIN, YU-LAN nắm giữ 128.430 cổ phần.
- Bà CHENG, YEU-CHYI nắm giữ 128.430 cổ phần.
- Ông CHEN, SIN-SIANG nắm giữ 1.337.823 cổ phần.

Tổng số cổ phiếu ghi tên do các cổ đông sáng lập nước ngoài nắm giữ phải bảo đảm tương ứng với giá trị cổ phần ít nhất bằng 30% vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán là 18.932 VND/USD, 226 VND/JPY, 24.884 VND/EUR.

Theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
- Máy móc, thiết bị	10% - 16%
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10%
- Thiết bị văn phòng	12.5%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành 15%.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	12/31/2010	01/01/2010
- Tiền mặt	1,945,213,576	2,743,750,081
- Tiền gửi ngân hàng	112,932,238,052	47,501,323,015
- Tiền đang chuyển	279,010,765	233,040,054
Cộng	115,156,462,393	50,478,113,150

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	12/31/2010	01/01/2010
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động	5,079,990,028	5,611,668,217
- Phải thu khác		
Cộng	5,079,990,028	5,611,668,217

5. HÀNG TỒN KHO

	12/31/2010	01/01/2010
- Hàng mua đang đi đường		199,593,446
- Nguyên liệu, vật liệu	95,206,188,223	83,366,654,824
- Công cụ, dụng cụ	8,142,512,853	3,376,829,748
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15,976,572,910	16,870,788,200
- Thành phẩm	145,735,899,616	155,379,732,436
- Hàng hóa		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	265,061,173,602	259,193,598,654

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	12/31/2010	01/01/2010
- Thuế thu GTGT hàng nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thửa	2,940,680,594	2,891,464,660
- Các khoản khác phải thu Nhà nước		
Cộng	2,940,680,594	2,891,464,660

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH						<i>Đơn vị tính: VND</i>
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	206,211,719,299	699,704,901,791	21,134,887,041	7,140,804,883	59,094,745,000	993,287,058,014
Số tăng trong năm	25,570,547,380	12,435,525,656	3,054,956,830	4,299,924,424		45,360,954,290
- Mua trong năm		12,435,525,656	2,785,660,830	4,299,924,424		19,521,110,910
- Đầu tư XDCB hoàn thành	25,570,547,380					
- Tăng khác			269,296,000			269,296,000
Số giảm trong năm		17,260,879,528	385,491,714	176,820,401	117	17,823,191,760
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán		17,260,879,528		132,576,601		17,393,456,129
- Giảm khác			385,491,714	44,243,800	117	429,735,631
Số dư cuối năm	231,782,266,679	694,879,547,919	23,804,352,157	11,263,908,906	59,094,744,883	1,020,824,820,544
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	58,174,132,302	391,115,383,921	11,018,376,377	4,705,483,580	40,695,697,691	505,709,073,871
Số tăng trong năm	8,807,557,047	63,965,319,310	2,161,336,645	593,585,889	2,484,542,837	78,012,341,728
- Khấu hao trong năm	8,807,557,047	63,965,319,310	1,943,596,945	593,585,889	2,484,542,837	77,794,602,028
- Tăng khác			217,739,700			217,739,700
Số giảm trong năm		16,237,157,956	277,774,361	152,525,242		16,667,457,559
- Thanh lý, nhượng bán		16,237,157,956		130,379,163		16,367,537,119
- Giảm khác			277,774,361	22,146,079		299,920,440
Số dư cuối năm	66,981,689,349	438,843,545,275	12,901,938,661	5,146,544,227	43,180,240,528	567,053,958,040
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	148,037,586,997	308,589,517,870	10,116,510,664	2,435,321,303	18,399,047,309	487,577,984,143
Tại ngày cuối năm	164,800,577,330	256,036,002,644	10,902,413,496	6,117,364,679	15,914,504,355	453,770,862,504

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỚI

8. DẠNG

	12/31/2010	01/01/2010
+ Toà nhà VP mới	18,717,720,731	
+ Khu công nghiệp Mỹ Xuân	4,093,181,033	
+ Máy ép II xưởng 3		
+ Máy ép xưởng 1 & 2	3,914,500,132	3,587,755,847
+ Hệ thống ERP	2,636,374,069	3,607,063,742
+ Công trình khác		
Cộng	6,550,874,201	30,005,721,353

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	12/31/2010	01/01/2010
- Lót gạch lò nung xưởng 3	2,535,029,256	
- Tiền thuê đất KCN Mỹ Xuân A	8,091,639,358	
- Khác	94,318,067	
Cộng	10,720,986,681	

10. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	12/31/2010	01/01/2010
- Vay ngắn hạn ngân hàng		
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	41,500,118,163	74,035,362,176
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	13,902,437,604	17,268,972,840
+ Ngân hàng Ngoại thương VN - chi nhánh Nhơn Trạch	79,226,398,843	97,046,580,635
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	39,841,870,529	14,521,163,863
+ Ngân hàng China Trust		14,186,550,082
+ Ngân hàng Huanan	5,390,051,531	4,964,545,609
+ Ngân hàng Fubon	712,221,840	
- Vay dài hạn đến hạn trả	84,153,208,378	79,748,188,898
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	63,008,687,256	59,710,482,650
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	11,359,200,000	10,764,600,000
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	9,785,321,122	9,273,106,248
Cộng	264,726,306,888	301,771,364,103

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ
11. NƯỚC**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	12/31/2010	01/01/2010
- Thuế giá trị gia tăng	196,220,243	47,807,434
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập cá nhân	975,400	78,800
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	197,195,643	47,886,234

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	12/31/2010	01/01/2010
- Chi phí tháng	592,087,243	504,548,777
- Nguyên liệu LPG		138,059,859
- Lãi vay	427,661,113	684,257,319
- Chi phí phải trả khác	14,646,261,276	12,778,156,596
Cộng	15,666,009,632	14,105,022,551

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	12/31/2010	01/01/2010
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	(25,737,098)	28,252,568
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Bảo hiểm thất nghiệp	82,885,841	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,309,327,094	994,435,615
Cộng	1,366,475,837	1,022,688,183

14. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	12/31/2010	01/01/2010
- Vay dài hạn ngân hàng		
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	31,504,382,083	89,565,760,459
+ Ngân hàng HSBC TP HCM		10,764,600,000
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	3,892,478	9,276,794,906
Cộng	31,508,274,561	109,607,155,365

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Đơn vị tính:
VND

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiểu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	355,846,450,000	86,520,960,000		(8,237,800)		127,256,578,567	26,183,183,700	6,545,795,900
Tăng vốn trong năm trước		14,233,520,000		(10,218,800)				
Lãi trong năm trước						4,150,326,126		
Tăng khác								
Giảm vốn trong năm trước					374,854,895			
Lỗ trong năm trước						(9,224,602,000)	7,379,681,600	1,844,920,400
Trích lập các quỹ						(28,467,048,739)		
Chia cổ tức						(737,968,155)		
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát								
Giảm khác								
Số dư cuối năm trước	370,079,970,000	86,520,960,000		(18,456,600)	374,854,895	92,977,285,799	33,562,865,300	8,390,716,300
Tăng vốn trong năm nay		14,802,460,000		(11,051,200)		(14,802,460,000)	830,065,176	207,516,306
Lãi trong năm nay						62,428,495,156		
Tăng do trích từ lợi nhuận								
Tăng khác								
Giảm vốn trong năm nay					2,433,691,247			
Trích lập các quỹ						(1,037,581,482)		
Chia cổ tức						(14,802,461,200)		
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát						(83,006,571)		
Giảm khác						(374,854,895)		(5,040,933,877)
Số dư cuối năm nay	384,882,430,000	86,520,960,000		(29,507,800)	2,433,691,247	124,680,271,702	34,392,930,476	3,557,298,729

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

15. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Cuối năm</i>	<i>%</i>	<i>Đầu năm</i>	<i>%</i>
Vốn góp của chủ sở hữu	384,882,430,000	100%	370,079,970,000	100%
Cộng	384,882,430,000	100%	370,079,970,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối

15. cỗ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu năm	370,079,970,000	355,846,450,000
+Vốn góp tăng trong năm	14,802,460,000	14,233,520,000
+Vốn góp giảm trong năm		
+Vốn góp cuối năm	384,882,430,000	370,079,970,000
-Cỗ tức, lợi nhuận đã chia	14,802,461,200	27,996,034,200

15. d) Cổ phiếu

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	38,488,243	37,007,997
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	2,949	1,844
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38,485,294	37,006,153
- Cổ phiếu phổ thông	38,485,294	37,006,153
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

e) Các quỹ của công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
- Cộng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	34,392,930,476	33,562,865,300
- Quỹ dự phòng tài chính	3,557,298,729	8,390,716,300
Cộng:	37,950,229,205	41,953,581,600

**TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ
CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hợp đồng xây dựng

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
Doanh thu bán hàng	1,209,670,391,662	932,264,169,192
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Cộng	1,209,670,391,662	932,264,169,192

**CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ
DOANH THU**

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán

- Hàng bán bị trả lại
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)

- Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Thuế xuất khẩu

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
Chiết khấu thương mại	17,378,535,189	10,344,316,021
Giảm giá hàng bán	386,707,482	145,508,004
Hàng bán bị trả lại	176,099,488	36,741,984
Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Thuế xuất khẩu		
Cộng	17,941,342,159	10,526,566,009

**DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG
VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa

- Doanh thu thuần dịch vụ
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1,191,729,049,503	921,737,603,183
Doanh thu thuần dịch vụ		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng		
Cộng	1,191,729,049,503	921,737,603,183

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	901,569,998,698	757,911,884,413
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
Cộng	901,569,998,698	757,911,884,413

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2010</i>	<i>Đơn vị tính: VND Năm 2009</i>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,762,738,897	2,825,611,965
- Hoạt động đầu tư tài chính (mua bán chứng khoán...)		
- Cỗ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10,719,803,258	10,043,279,114
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		158,315,153
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,621,702,999	749,530,032
Cộng	15,104,245,154	13,776,736,264

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
- Lãi tiền vay	18,108,795,928	25,177,383,931
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Phí môi giới mua bán chứng khoán		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20,828,167,479	19,553,218,425
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Chi phí tài chính khác	3,494,099,005	
Cộng	42,431,062,412	44,730,602,356

CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
--	-----------------	-----------------

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11,550,784,066	1,229,338,634
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng	11,550,784,066	1,229,338,634

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	62,428,495,156	4,150,326,126
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38,485,294	37,006,153
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1,622	112

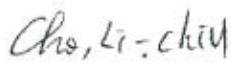
NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2011


Trần Định Tâm


Cho Li Chiu



BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 được tổ chức vào ngày 23/04/2011.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera đã thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trong năm 2010. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Về sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 như sau:

Doanh thu năm 2010: **1,191.72 tỷ đồng**, tăng 29.2% so với năm 2009

- Lợi nhuận sau thuế năm 2010: **62.4 tỷ đồng**.

- Tỷ lệ cổ tức: **12%**

Với các chỉ tiêu được giao nói trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý và người lao động của Công ty trong năm đã có những nỗ lực rất lớn, cố gắng hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,209,670,391,662
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp	62,428,495,156
3	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5.24%
4	Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	16.22%

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam-AASCs) kiểm toán, xác nhận. Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty được Tổng giám đốc báo cáo như đã nêu trên.

2. Phân phối sản phẩm

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Sản phẩm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, NaUy, v.v...

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

3. Kiểm soát chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

4. Trích lập các quỹ

Theo điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản này không vượt quá (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số : 85/BCKT/TC

Về báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera được lập ngày 20 tháng 01 năm 2011 gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2011

Kiểm toán viên

TẠ QUANG TẠO

Chứng chỉ KTV số: Đ0055/KTV

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông CHEN SIN SIANG – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1986 – 2010: Chủ tịch HĐQT công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ THUẬN LỢI

1994 – 2010: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2. Ông CHEN CHENG JEN – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

1983 – 1995: Tổng Giám Đốc công ty CPHH ENGAR

1995 – 2010: Tổng Giám Đốc Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2007 – 2010: Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

3. Ông HSU RONG SHENG – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

1995 – 2010: Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2005 – 2010: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

4. Ông PAN YU YI – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc kinh doanh

Quá trình công tác:

1994 – 2006: Khối trưởng khối Kinh doanh Công ty CPHH Công nghiệp Gốm sứ Taicera.

2006 – 2010: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2007 – 2010: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ kinh doanh Công ty CP CN Gốm sứ Taicera

5. Ông HO TSUNG MING – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1983 – 2010: Giám đốc Công ty CPHH Engar

2005 – 2010: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

6. Ông HSU JONG CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1988 – 1992: Công tác tại Phòng Kinh doanh Công ty CPHH Công nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

1992 – 1995: Giám đốc Công ty CPHH Công nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

1995 – 2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty CPHH Công nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2005 – 2010: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông CHEN WEN CHIA – Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- 2002 – 2005: Phó giám đốc Tài chính công ty CPHH Chế tạo Tân Lữ Vi
2005 – 2006: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera
2005 – 2010: Trưởng phòng quản lý hành chính công ty CPHH Công nghệ Nguyên Đinh.
2007 – 2010: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2. Ông LUO JONG HUI – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- 1990 – 1994: Trưởng phòng Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG
1995 – 2010: Giám đốc Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG
2007 – 2010: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

3. Bà LIN YU LAN – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- 1987 – 2010: Thư ký Công ty CPHH ENGAR
2005 – 2010: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông CHEN CHENG JEN – Tổng giám đốc (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)
2. Ông PAN YU YI – Phó Tổng giám đốc Kinh doanh (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)
3. Ông PENG SHIH TING – Phó Tổng giám đốc Sản xuất

Quá trình công tác:

1986 – 1996: Phó Giám đốc Sản xuất ngành Gạch gốm Kiên Tín-Đài Loan

1996 – 2010: Giám đốc BP Sản xuất Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần niêm yết:

Số thứ tự	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Đã lưu ký:	3,157	8,626,101	22.41%
	Trong đó:			
1	<i>Trong nước:</i>	3,038	5,143,315	13.36%
	Cá nhân:	2,993	4,561,260	11.85%
	Tổ chức:	45	582,055	1.51%
2	<i>Nước ngoài:</i>	119	3,482,786	9.05%
	Cá nhân:	111	3,046,346	7.92%
	Tổ chức:	8	436,440	1.13%
II	Chưa lưu ký:	138	162,000	0.42%
	Trong đó:			
1	<i>Trong nước:</i>	133	61,335	0.16%
	Cá nhân:	131	52,011	0.14%
	Tổ chức:	2	9,324	0.02%
2	<i>Nước ngoài:</i>	5	100,665	0.26%
	Cá nhân:	3	10,782	0.03%
	Tổ chức:	2	89,883	0.23%
3	Cộng	3,295	8,788,101	22.83%

2. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần chưa niêm yết:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Số thứ tự	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước:	1	44	0%
	Cá nhân:	-	-	-
	Tổ chức:	1	44	0%
2	Nước ngoài:	21	29,700,098	77.17%
	Cá nhân:	19	12,220,633	31.75%
	Tổ chức:	2	17,479,465	45.42%
3	Công	22	29,700,142	77.17%

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



CHEN SIN SIANG